VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 hợp nhất Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ

(Tiếp theo Công báo số 401 + 402)

DANH MỤC MẪU BIỂU

(Kèm theo Văn bản hợp nhất Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ, các mẫu biểu của Thông tư số 156/2013/TT-BTC được sửa đổi - bổ sung được ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất)

Mẫu số: **08B/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho nhóm cá nhân kinh doanh thực hiện nộp thuế theo kê khai)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	**[21]**	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	**[22]**	
3	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ	**[23]**	
4	**Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh [24] = [21]-[22]-[23]**	**[24]**	
5	Doanh thu hoạt động tài chính	**[25]**	
6	Chi phí tài chính	**[26]**	
7	**Thu nhập từ hoạt động tài chính [27] = [25]-[26]**	**[27]**	
8	Thu nhập khác	**[28]**	
9	Chi phí khác	**[29]**	
10	**Thu nhập chịu thuế khác [30] = [28]-[29]**	**[30]**	
11	**Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ**	**[31]**	
12	**Tổng thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế trong kỳ**	**[32]**	

CHI TIẾT THU NHẬP VÀ SỐ THUẾ CỦA CÁ NHÂN TRONG NHÓM

STT	**Họ và tên**	**Mã số thuế**	**Tỷ lệ chia TNCT**	**TNCT tương ứng**		**Các khoản giảm trừ**	**Thu nhập tính thuế**	**Thuế TNCN**	**Thuế TNCN được giảm**	**Thuế TNCN đã tạm nộp**
				Tổng số	Trong đó: thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế					
[33]	**[34]**	**[35]**	**[36]**	**[37]**	**[38]**	**[39]**	**[40]**	**[41]**	**[42]**	**[43]**
1										
2										
.....										
Tổng cộng			**[44]**	**[45]**	**[46]**	**[47]**	**[48]**	**[49]**	**[50]**	**[51]**

(TNCT: Thu nhập chịu thuế; TNCN: Thu nhập cá nhân)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **02/QTT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN[23]

(Áp dụng cho cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công)

[01] Kỳ tính thuế: Năm..... (từ tháng.../... đến tháng.../....)

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Số tài khoản ngân hàng (nếu có):..... **[12a]** Mở tại:.....

[13] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[14] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[15] Địa chỉ:.....

[16] Quận/huyện:..... **[17]** Tỉnh/thành phố:.....

[18] Điện thoại:..... **[19]** Fax:..... **[20]** Email:.....

[21] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

STT	Chỉ tiêu			Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số tiền/ Số người
1	Tổng thu nhập chịu thuế (TNCT) trong kỳ [22] = [23]+[26]			[22]	VNĐ	
	a	Tổng TNCT phát sinh tại Việt Nam		[23]	VNĐ	
		Trong đó:	Tổng TNCT làm căn cứ tính giảm thuế	[24]	VNĐ	
			Tổng TNCT được miễn giảm theo Hiệp định	[25]	VNĐ	
	b	Tổng TNCT phát sinh ngoài Việt Nam		[26]	VNĐ	
2	Số người phụ thuộc			[27]	Người	

[23] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

3	Các khoản giảm trừ [28] = [29]+[30]+[31]+[32]+[33]		[28]	VNĐ	
	a	Cho bản thân cá nhân	[29]	VNĐ	
	b	Cho những người phụ thuộc được giảm trừ	[30]	VNĐ	
	c	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	[31]	VNĐ	
	d	Các khoản đóng bảo hiểm được trừ	[32]	VNĐ	
	e	Khoản đóng quỹ hưu trí tự nguyện được trừ	[33]	VNĐ	
4	Tổng thu nhập tính thuế [34] = [22]-[25]-[28]		[34]	VNĐ	
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) phát sinh trong kỳ		[35]	VNĐ	
6	Tổng số thuế đã tạm nộp, đã khấu trừ, đã nộp trong kỳ [36] = [37]+[38]+[39] + [40]		[36]	VNĐ	
	a	Đã khấu trừ	[37]	VNĐ	
	b	Đã tạm nộp	[38]	VNĐ	
	c	Đã nộp ở nước ngoài được giảm trừ (nếu có)	[39]	VNĐ	
	d	Đã khấu trừ hoặc tạm nộp trùng do quyết toán vắt năm	[40]	VNĐ	
7	Tổng số thuế TNCN được giảm trong kỳ [41] = [42]+[43]		[41]	VNĐ	
	a	Tổng số thuế TNCN được giảm do làm việc trong khu kinh tế	[42]	VNĐ	
	b	Tổng số thuế TNCN được giảm khác	[43]	VNĐ	
8	Tổng số thuế còn phải nộp trong kỳ [44] = [35]-[36]-[41] >= 0		[44]	VNĐ	
9	Tổng số thuế nộp thừa trong kỳ [45] = [35]-[36]-[41] < 0		[45]	VNĐ	
	a	Tổng số thuế đề nghị hoàn trả [46] = [47]+[48]	[46]	VNĐ	
		Trong đó: Số thuế hoàn trả vào tài khoản người nộp thuế	[47]	VNĐ	
		Trong đó: Số thuế bù trừ cho khoản phải nộp Ngân sách nhà nước khác	[48]	VNĐ	
	b	Tổng số thuế bù trừ cho các phát sinh của kỳ sau [49] = [45]-[46]	[49]	VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: **09-1/PL-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
THU NHẬP TỪ TIỀN LƯƠNG, TIỀN CÔNG
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 09/KK-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm..... (Từ tháng.../... đến tháng.../....)

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | |

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu			Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ [06] = [07]+[10]			**[06]**	
	a	Thu nhập phát sinh tại Việt Nam:		**[07]**	
		Trong đó	Thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế do làm việc tại khu kinh tế	**[08]**	
			Thu nhập được miễn giảm theo Hiệp định	**[09]**	
	b	Thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam		**[10]**	
2	Tổng số thuế đơn vị trả thu nhập đã khấu trừ trong kỳ [11] = [12]+[13]			**[11]**	
	a	Tổng số thuế đã khấu trừ theo biểu lũy tiến từng phần		**[12]**	
	b	Tổng số thuế đã khấu trừ theo mức 10%		**[13]**	
3	Tổng số thuế đã tạm nộp tại Việt Nam			**[14]**	
4	Tổng số thuế đã nộp ngoài Việt Nam			**[15]**	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **09-2/PL-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
THU NHẬP TỪ KINH DOANH
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 09/KK-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm..... (Từ tháng.../... đến tháng.../....)

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | |

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	**[06]**	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	**[07]**	
3	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ	**[08]**	
4	**Thu nhập chịu thuế từ hoạt động kinh doanh [09] = [06]-[07]-[08]**	**[09]**	
5	Doanh thu hoạt động tài chính	**[10]**	
6	Chi phí tài chính	**[11]**	
7	**Thu nhập chịu thuế từ hoạt động tài chính [12] = [10]-[11]**	**[12]**	
8	Thu nhập khác	**[13]**	
9	Chi phí khác	**[14]**	
10	**Thu nhập chịu thuế khác [15] = [13]-[14]**	**[15]**	
11	Tổng thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ **[16] = [09]+[12]+[15]**	**[16]**	
12	Thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế	**[17]**	
13	Tổng số thuế đã tạm nộp trong kỳ	**[18]**	
14	Tổng thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam	**[19]**	
15	Tổng số thuế đã nộp ngoài Việt Nam	**[20]**	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **02-1/BK-QTT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ
GIẢM TRỪ GIA CẢNH CHO NGƯỜI PHỤ THUỘC[24]

(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 02/QTT-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm..... (Từ tháng.../... đến tháng.../...)

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[04] Họ và tên vợ (chồng) nếu có:.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[06] Số CMND/Số hộ chiếu vợ (chồng):.....

[07] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[08] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. Người phụ thuộc đã có MST/CMND/Hộ chiếu

STT [09]	Họ và tên [10]	Ngày sinh [11]	Mã số thuế [12]	Quốc tịch [13]	Số CMND/ Hộ chiếu [14]	Quan hệ với người nộp thuế [15]	Thời gian được tính giảm trừ trong năm	
							Từ tháng [16]	Đến tháng [17]
1								
2								
3								
...								

[24] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

II. Người phụ thuộc chưa có MST/CMND/Hộ chiếu												
STT	**Họ và tên**	**Thông tin trên giấy khai sinh**							**Quốc tịch**	**Quan hệ với người nộp thuế**	**Thời gian được tính giảm trừ trong năm**	
		Ngày sinh	Số	Quyển số	Nơi đăng ký							
					Quốc gia	Tỉnh/ Thành phố	Quận/ Huyện	Phường/ Xã			Từ tháng	Đến tháng
[18]	**[19]**	**[20]**	**[21]**	**[22]**	**[23]**	**[24]**	**[25]**	**[26]**	**[27]**	**[28]**	**[29]**	**[30]**
1												
2												
...												

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **09-4/PL-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
THU NHẬP TỪ XỔ SỐ, BẢO HIỂM, BÁN HÀNG ĐA CẤP
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 09/KK-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm..... (Từ tháng.../... đến tháng.../....)

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | |

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu		Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu từ hoạt động đại lý xổ số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp		[06]	
2	Chi phí		[07]	
3	Thu nhập chịu thuế phát sinh trong kỳ		[08]	
4	Thu nhập làm căn cứ tính giảm thuế		[09]	
5	Tổng số thuế đơn vị trả thu nhập đã khấu trừ trong kỳ [10] = [11]+[12]+[13]		[10]	
	a	Tổng số thuế đã khấu trừ từ xổ số	[11]	
	b	Tổng số thuế đã khấu trừ từ bảo hiểm	[12]	
	c	Tổng số thuế đã khấu trừ từ bán hàng đa cấp	[13]	
6	Tổng thu nhập phát sinh ngoài Việt Nam		[14]	
7	Tổng số thuế đã nộp ngoài Việt Nam		[15]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **03/BĐS-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN[25]

(Áp dụng cho cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản; thu nhập từ nhận thừa kế và nhận quà tặng là bất động sản)

01] Kỳ tính thuế: Ngày.... tháng... năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

A. PHẦN CÁ NHÂN TỰ KÊ KHAI

I. THÔNG TIN NGƯỜI CHUYỂN NHƯỢNG, CHO THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[04] Họ và tên:.....

[05] Mã số thuế (nếu có): ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[06] Số CMND (trường hợp cá nhân quốc tịch Việt Nam):.....

[06a] Ngày cấp:..... **[06b]** Nơi cấp:.....

[07] Hộ chiếu (trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt nam):.....

[08] Tên tổ chức, cá nhân khai thay (nếu có):.....

[09] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[10] Địa chỉ:.....

[11] Quận/huyện:..... **[12]** Tỉnh/Thành phố:.....

[13] Điện thoại:..... **[14]** Fax:..... **[15]** Email:.....

[16] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[17] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[18] Địa chỉ:.....

[19] Quận/huyện:..... **[20]** Tỉnh/Thành phố:.....

[21] Điện thoại:..... **[22]** Fax:..... **[23]** Email:.....

[24] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

[25] Giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà:.....

Số..... Do cơ quan:..... Cấp ngày:.....

---

[25] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

[26] Hợp đồng mua bán nhà ở, công trình xây dựng hình thành trong tương lai ký với chủ dự án cấp 1, cấp 2 hoặc Sàn giao dịch của chủ dự án:.....
Số..... Ngày:.....

[27] Hợp đồng chuyển nhượng bất động sản (nếu là mua bán, đổi):
Số:..... Nơi lập..... Ngày lập: .....

Cơ quan chứng thực..... Ngày chứng thực:.....

II. THÔNG TIN NGƯỜI NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[28] Họ và tên: .....

[29] Mã số thuế (nếu có): ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[30] Số CMND/Hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế):.....

[31] Đơn xin chuyển nhượng bất động sản (nếu là nhận thừa kế, nhận quà tặng)

Nơi lập hồ sơ nhận thừa kế, quà tặng: ..... Ngày lập: .....

Cơ quan chứng thực..... Ngày chứng thực:.....

III. LOẠI BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[32] Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ☐

[33] Quyền sở hữu hoặc sử dụng nhà ở ☐

[34] Quyền thuê đất, thuê mặt nước ☐

[35] Bất động sản khác ☐

IV. ĐẶC ĐIỂM BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

[36] Đất

[36a] Địa chỉ thửa đất, nhà ở:.....

[36b] Vị trí (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):.....

[36c] Loại đất, diện tích:

Loại đất	Diện tích
Loại đất 1:.....	.....
Loại đất 2:.....	.....
....	

[37] Nguồn gốc đất: (Đất được nhà nước giao, cho thuê; Đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng, cho...):.....

[38] Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):..... đồng

[39] Nhà và các tài sản gắn liền với đất (gọi chung là nhà)

[39a] Cấp nhà:.....

[39b] Loại nhà:.....

[39c] Diện tích nhà (m2 sàn xây dựng): .....

[39d] Nguồn gốc nhà

Tự xây dựng ☐ **[39d.1]** Năm hoàn thành (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):.....

Chuyển nhượng ☐ **[39d.2]** Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà:.....

[39e] Giá trị nhà:..... đồng

V. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN; TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG LÀ BẤT ĐỘNG SẢN

[40] Loại thu nhập

[40a] Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản ☐

[40b] Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng ☐

[41] Giá chuyển nhượng bất động sản hoặc giá trị bất động sản nhận thừa kế, quà tặng:.....

[42] Thu nhập miễn thuế:.....

[43] Thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với chuyển nhượng bất động sản: {[43] = ([41] - [42]) x 2%}:..... đồng

[44] Thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản:

{[44] = ([41]-[42]-10.000.000) x 10%}:..... đồng

Số thuế phải nộp của các đồng chủ sở hữu (chỉ khai trong trường hợp đồng sở hữu hoặc miễn giảm thuế với nhà duy nhất):

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số thuế phải nộp (đồng)	Cá nhân được miễn với nhà ở duy nhất
1					☐
2					☐
...					☐

VII. HỒ SƠ KÈM THEO GỒM:

-

-

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ (BAO GỒM CẢ ĐỒNG SỞ HỮU (nếu có)) hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

B. PHẦN XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ BẤT ĐỘNG SẢN VÀ TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Tên người nộp thuế: .....

2. Mã số thuế (nếu có): | | | | | | | | | | | - | | | |

I. LOẠI BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất ☐

2. Quyền sử hữu hoặc sử dụng nhà ở ☐

3. Quyền thuê đất, thuê mặt nước ☐

4. Các bất động sản khác ☐

II. ĐẶC ĐIỂM BẤT ĐỘNG SẢN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Thửa đất số:..... Tờ bản đồ số:.....

Số nhà, đường phố.....

Thôn, xóm.....

Phường/xã:.....

Quận/huyện.....

Tỉnh/thành phố.....

2. Loại đất:.....

3. Loại đường/khu vực:.....

4. Vị trí (1, 2, 3, 4...):.....

5. Cấp nhà:..... Loại nhà:.....

6. Hạng nhà:.....

7. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà:.....

8. Diện tích nhà, Đơn giá một mét sàn nhà, giá trị nhà:

8.1. Diện tích (m^2):.....

8.2. Đơn giá (đồng/m^2):.....

8.3. Tổng giá trị nhà:.....

9. Diện tích đất, Đơn giá một mét vuông đất, Giá trị đất:

Loại đất [9.1]	Diện tích [9.2]	Đơn giá [9.3]	Giá trị đất (= diện tích x Đơn giá) [9.4]
Loại đất 1:.....			

Loại đất [9.1]	Diện tích [9.2]	Đơn giá [9.3]	Giá trị đất (= diện tích x Đơn giá) [9.4]
Loại đất 2:....			
...			
Tổng			[9.5]

III. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG, NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG LÀ BẤT ĐỘNG SẢN

1. Căn cứ xác định số thuế phải nộp

1.1. Giá chuyển nhượng bất động sản:..... đồng [A1]

1.2. Giá đất, giá tính lệ phí trước bạ nhà do Ủy ban nhân dân quy định (=[8.3]+[9.5]):..... ..... đồng [A2]

1.3. Thu nhập được miễn thuế:..... đồng [A3]

(Đối với cá nhân được miễn thuế theo Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân)

2. Cách xác định số thuế phải nộp đối với chuyển nhượng bất động sản

- Trường hợp 1: [A1] > [A2]

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = ([A1]-[A3]) x 2% = ... x 2% ☐

- Trường hợp 2: [A1] < [A2]

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = ([A2]-[A3]) x 2% = ... x 2% ☐

3. Cách xác định số thuế phải nộp với thừa kế, quà tặng là bất động sản

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = ([A2] - [A3] - 10.000.000) x 10% = ... x 10%

4. Số thuế thu nhập cá nhân phát sinh:..... đồng

(Viết bằng chữ:.....)

Số thuế phải nộp của các đồng chủ sở hữu (trường hợp đồng sở hữu hoặc miễn giảm thuế với nhà duy nhất):

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số thuế phải nộp (đồng)	Cá nhân được miễn với nhà ở duy nhất
1					☐
2					☐
...					☐

V. XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN THUẾ ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP ĐƯỢC MIỄN THUẾ ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG BẤT ĐỘNG SẢN

Căn cứ vào tờ khai và các giấy tờ có liên quan đến việc chuyển nhượng bất động sản giữa ông (bà)..... và ông (bà)....., cơ quan thuế đã kiểm tra và xác nhận khoản thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản của ông (bà)..... thuộc diện thu nhập miễn thuế thu nhập cá nhân theo quy định tại khoản..... Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân với số tiền được miễn là...../.

....., ngày... tháng.... năm....

CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH THUẾ	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số: **03/TBT-BĐS-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

CỤC THUẾ..... **(CHI CỤC THUẾ).....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TB-CT (CCT)	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO[26]
Nộp thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân chuyển nhượng bất động sản

Kính gửi: Ông/ Bà/Tổ chức.....
Mã số thuế:.....
Địa chỉ:.....

Căn cứ hồ sơ và phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số...../VPĐK ngày..... tháng..... năm..... của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất và tờ khai thuế thu nhập cá nhân của ông (bà)....., cơ quan thuế tính thuế và thông báo số tiền thuế thu nhập cá nhân ông (bà) phải nộp như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM BẤT ĐỘNG SẢN

1. Thửa đất số:..... Tờ bản đồ số:.....
Số nhà, đường phố.....
Thôn, xóm.....
Phường/xã:.....
Quận/huyện.....
Tỉnh/ thành phố.....
2. Loại đất:.....
3. Loại đường/khu vực:.....
4. Vị trí (1, 2, 3, 4...):.....
5. Cấp nhà:..... Loại nhà:.....
6. Hạng nhà:.....
7. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà:.....

[26] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

8. Diện tích nhà, Đơn giá một mét sàn nhà, giá trị nhà

8.1. Diện tích (m^2):.....

8.2. Đơn giá (đồng/m^2):.....

8.3. Tổng giá trị nhà (đồng):.....

9. Diện tích đất, Đơn giá một mét vuông đất, giá trị đất

Loại đất [9.1]	Diện tích [9.2]	Đơn giá [9.3]	Giá trị đất (= diện tích x Đơn giá) [9.4]
Loại đất 1:.....			
Loại đất 2:.....			
.....			
Tổng			[9.5]

II. TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Căn cứ xác định số thuế phải nộp

1.1. Giá chuyển nhượng bất động sản:..... đồng [A1]

1.2. Giá đất, giá tính lệ phí trước bạ nhà do Ủy ban nhân dân quy định (=[8.3]+[9.5]):..... đồng [A2]

1.3. Thu nhập được miễn thuế:..... đồng [A3]

(Đối với cá nhân được miễn thuế theo Điều 4 Luật Thuế thu nhập cá nhân)

2. Cách xác định số thuế phải nộp đối với chuyển nhượng bất động sản

- Trường hợp 1: [A1] > [A2]

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = ([A1]-[A3]) x 2% = ... x 2% ☐

- Trường hợp 2: [A1] < [A2]

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = ([A2]-[A3]) x 2% = ... x 2% ☐

3. Cách xác định số thuế phải nộp với thừa kế, quà tặng là bất động sản

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = ([A2] - [A3] - 10.000.000) x 10% = ... x 10%

4. Số tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp:..... đồng

(Viết bằng chữ:.....)

Nộp theo chương..... tiểu mục.....

Số thuế phải nộp của các đồng chủ sở hữu (nếu có):

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số thuế phải nộp
1			
2			
...			

5. Địa điểm nộp:.....

6. Thời hạn nộp tiền chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo thuế.

Quá thời hạn nêu trên nếu Ông/Bà chưa nộp đủ số tiền thuế theo thông báo này vào Ngân sách Nhà nước thì Ông/Bà phải chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nếu có vướng mắc, đề nghị Ông/Bà liên hệ với cơ quan thuế..... theo số điện thoại:..... địa chỉ:..... để được hướng dẫn cụ thể.

Cơ quan thuế..... thông báo để Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO NỘP TIỀN	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**
..., ngày... tháng.... năm....	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
(Ký, ghi rõ họ tên)	

III. PHẦN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ (Cơ quan thu tiền thực hiện):

1. Số ngày chậm nộp tiền thuế so với ngày thông báo của cơ quan thuế:.....

2. Số tiền chậm nộp tiền thuế:..... đồng

(Viết bằng chữ:.....)

..., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **12/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho cá nhân cư trú có thu nhập từ chuyển nhượng vốn, cá nhân chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp với cơ quan thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Ngày.... tháng... năm

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

I. THÔNG TIN CÁ NHÂN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN, CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN KHAI TRỰC TIẾP.

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên tổ chức khai thay (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/Thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[21] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[22] Địa chỉ:.....

[23] Quận/huyện:..... **[24]** Tỉnh/thành phố:.....

[25] Điện thoại:..... **[26]** Fax:..... **[27]** Email:.....

[28] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... Ngày:.....

[29] Hợp đồng chuyển nhượng vốn số:..... Ngày..... tháng..... năm.....

[30] Giấy phép đăng ký kinh doanh số:..... Ngày..... tháng..... năm.....

Cơ quan cấp:..... Ngày cấp:.....

II. THÔNG TIN CÁ NHÂN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN, CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG KHOÁN KHAI TRỰC TIẾP.

[31] Họ và tên: .....

[32] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[33] Số CMND/hộ chiếu (trường hợp chưa có mã số thuế): .....

[34] Địa chỉ: .....

[35] Quận/huyện:..... **[36]** Tỉnh/thành phố:.....
[37] Điện thoại:..... **[38]** Fax:..... **[39]** Email:.....
III. CHI TIẾT TÍNH THUẾ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	**Thu nhập từ chuyển nhượng vốn**		
1	Giá chuyển nhượng	**[40]**	
2	Giá vốn của phần vốn chuyển nhượng	**[41]**	
3	Chi phí chuyển nhượng	**[42]**	
4	Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn [43] = [40]-[41]-[42]	**[43]**	
5	Số thuế phải nộp	**[44]**	
6	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	**[45]**	
7	Số thuế còn phải nộp [46] = [44]-[45]	**[46]**	
II	**Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp**		
1	Giá chuyển nhượng	**[47]**	
2	Số thuế phải nộp	**[48]**	
3	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	**[49]**	
4	Số thuế còn phải nộp [50] = [48]-[49]	**[50]**	

(Chú ý: Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, đề nghị nộp Hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **12-1/TB-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỤC THUẾ.....
(CHI CỤC THUẾ).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-CT (CCT)

..., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Nộp thuế thu nhập cá nhân

Kính gửi: Ông/Bà/Tổ chức.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Căn cứ hồ sơ và phiếu chuyển thông tin của cơ quan, đơn vị..... ngày..... tháng..... năm..... và tờ khai thuế thu nhập cá nhân của ông (bà)....., cơ quan thuế tính thuế và thông báo số tiền thuế thu nhập cá nhân ông (bà) phải nộp như sau:

I. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ VÀ TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	**Thu nhập từ chuyển nhượng vốn**		
1	Giá chuyển nhượng	**[01]**	
2	Giá vốn của phần vốn chuyển nhượng	**[02]**	
3	Chi phí chuyển nhượng	**[03]**	
4	Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng vốn	**[04]**	
5	Số thuế phải nộp	**[05]**	
6	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	**[06]**	
7	Số thuế còn phải nộp	**[07]**	
II	**Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán khai trực tiếp**		
1	Giá chuyển nhượng	**[08]**	
2	Số thuế phải nộp	**[09]**	
3	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	**[10]**	
4	Số thuế còn phải nộp	**[11]**	

[12] Số tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp:..... đồng

(Viết bằng chữ:.....)

[13] Nộp theo chương..... tiểu mục.....

[14] Địa điểm nộp:.....

[15] Thời hạn nộp tiền chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo thuế.

Quá thời hạn nêu trên nếu Ông/Bà chưa nộp đủ số tiền thuế theo thông báo này vào NSNN thì Ông/Bà phải chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nếu có vướng mắc, đề nghị Ông/Bà liên hệ với cơ quan thuế..... theo số điện thoại:..... địa chỉ:..... để được hướng dẫn cụ thể.

II. XÁC NHẬN TRONG TRƯỜNG HỢP KHÔNG PHÁT SINH SỐ THUẾ PHẢI NỘP

Cơ quan thuế..... xác nhận ông/bà..... đã hoàn thành nghĩa vụ khai thuế thu nhập cá nhân và không phát sinh số thuế thu nhập cá nhân phải nộp đối với hoạt động chuyển nhượng vốn.

Cơ quan thuế..... thông báo để Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO NỘP TIỀN	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**
..., ngày... tháng.... năm....	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
(Ký, ghi rõ họ tên)	

III. PHẦN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ (Cơ quan thu tiền thực hiện):

1. Số ngày chậm nộp tiền thuế so với ngày thông báo của cơ quan Thuế:.....

2. Số tiền chậm nộp tiền thuế:..... đồng.

(Viết bằng chữ:.....)

..., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: *Trường hợp cá nhân được miễn giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì cơ quan thuế không phải ra thông báo này*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **13/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Số tài khoản (chứng khoán):..... [12a] Mở tại:.....

[12b] Số tài khoản (ngân hàng):..... [12c] Mở tại:.....

[13] Tên đại lý thuế:.....

[14] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[15] Địa chỉ:.....

[16] Quận/huyện:..... **[17]** Tỉnh/thành phố:.....

[18] Điện thoại:..... **[19]** Fax:..... **[20]** Email:.....

[21] Hợp đồng đại lý thuế:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
A	**XÁC ĐỊNH THU NHẬP TÍNH THUẾ**		
1	Tổng giá trị chứng khoán bán ra	[22]	
2	Tổng giá trị chứng khoán mua vào	[23]	
3	Các chi phí liên quan	[24]	
4	Thu nhập chịu thuế [25] = [22]-[23]-[24]	[25]	
B	**XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ PHẢI NỘP CẢ NĂM**		
1	Số thuế phải nộp trong kỳ	[26]	
2	Số thuế đã khấu trừ theo thuế suất 0,1% trong kỳ	[27]	
3	Số thuế còn phải nộp [28] = [26]-[27] > 0	[28]	

4	Số thuế nộp thừa ([29] = [26]-[27] < 0)			[29]	
	a	Số thuế đề nghị hoàn trả [30] = [31]+[32]		[30]	
		Trong đó:	Số thuế hoàn trả vào tài khoản người nộp thuế	[31]	
			Số thuế bù trừ cho khoản phải nộp Ngân sách nhà nước khác	[32]	

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **13-1/BK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CHI TIẾT
CHỨNG KHOÁN ĐÃ CHUYỂN NHƯỢNG TRONG NĂM
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân mẫu số 13/KK-TNCN)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | |

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Mã chứng khoán	Giá bán	Giá mua	Chi phí	Thu nhập chịu thuế	Chứng từ		
						Số thuế đã khấu trừ	Số, ký hiệu chứng từ	Ngày, tháng, năm chứng từ
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]=[08]-[09]-[10]	[12]	[13]	[14]
1								
2								
....								
Tổng cộng		[15]	[16]	[17]	[18]	[19]		

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **14/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho cá nhân nhận thừa kế, quà tặng không phải là bất động sản)

[01] Kỳ tính thuế: Ngày..... tháng..... năm

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

A. PHẦN CÁ NHÂN TỰ KÊ KHAI

I. Thông tin cá nhân nhận thừa kế, quà tặng

1. Họ và tên:.....

2. Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

3. Quốc tịch:.....

4. Địa chỉ:.....

5. Quận/huyện:..... **6.** Tỉnh/thành phố:.....

7. Điện thoại:..... **8.** Fax:..... **9.** Email.....

10. Tên đại lý thuế (nếu có):.....

11. Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

12. Địa chỉ:.....

13. Quận/huyện:..... **14.** Tỉnh/thành phố:.....

15. Điện thoại:..... **16.** Fax:..... **17.** Email:.....

18. Hợp đồng đại lý thuế:.....

II. Văn bản giao nhận thừa kế, quà tặng

Làm tại:..... ngày..... tháng..... năm.....

đã được Cơ quan công chứng chứng nhận ngày.... tháng..... năm.....

III. Thông tin về cá nhân cho thừa kế, quà tặng

1. Họ và tên: .....

2. Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

3. Quốc tịch:.....

4. Địa chỉ:.....

5. Điện thoại:..... **6.** Fax:..... **7.** Email.....

IV. Giấy chứng nhận quyền sử dụng hoặc sở hữu tài sản thừa kế, quà tặng số:

..... Do cơ quan:..... Cấp ngày:.....

V. Loại tài sản được thừa kế, quà tặng

1. Chứng khoán ☐

2. Vốn góp ☐

3. Tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc sử dụng ☐

VI. Thu nhập thừa kế, quà tặng

Số tiền:..... đồng

(Viết bằng chữ:.....)

VII. Thu nhập được miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần

Số tiền:..... đồng

(Viết bằng chữ:.....)

(Chú ý: Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, đề nghị nộp Hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)*

B. XÁC ĐỊNH THU NHẬP CHỊU THUẾ VÀ TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

I. Thông tin về cá nhân nộp thuế

1. Họ và tên: .....

2. Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

3. Quốc tịch: .....

II. Loại tài sản được thừa kế, quà tặng

1. Chứng khoán ☐

2. Vốn góp ☐

3. Tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc sử dụng ☐

III. Xác định thu nhập chịu thuế và số thuế thu nhập cá nhân phải nộp (đối với trường hợp phải nộp thuế)

1. Thu nhập chịu thuế *(= Giá trị tài sản thừa kế, quà tặng tại thời điểm cá nhân nhận tài sản)*:..... đồng

2. Thu nhập tính thuế *(= Thu nhập chịu thuế - Thu nhập miễn giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần - 10 triệu đồng)*:..... đồng

3. Thuế thu nhập cá nhân phải nộp *(= Thu nhập tính thuế x 10%)*:..... đồng.

..., ngày... tháng... năm.....

CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH THUẾ	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số: **14-1/TB-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỤC THUẾ.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(CHI CỤC THUẾ).....	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TB-CT (CCT)	*..., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Nộp thuế thu nhập cá nhân

Kính gửi: Ông/Bà.....
Mã số thuế:.....
Địa chỉ:.....

Căn cứ hồ sơ và phiếu chuyển thông tin của cơ quan, đơn vị..... ngày..... tháng..... năm..... và tờ khai thuế thu nhập cá nhân của ông (bà)..... ....., cơ quan thuế tính thuế và thông báo số tiền thuế thu nhập cá nhân ông (bà) phải nộp như sau:

I. LOẠI TÀI SẢN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

1. Chứng khoán ☐
2. Vốn góp ☐
3. Tài sản phải đăng ký sở hữu hoặc sử dụng ☐

II. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ VÀ TÍNH THUẾ CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Giá trị tài sản nhận thừa kế, quà tặng:.....

2. Số tiền thuế thu nhập cá nhân phải nộp:..... đồng

(Viết bằng chữ:.....)

Nộp theo chương..... tiểu mục.....

3. Địa điểm nộp:.....

4. Thời hạn nộp tiền chậm nhất không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo thuế.

Quá thời hạn nêu trên nếu Ông/Bà chưa nộp đủ số tiền thuế theo thông báo này vào NSNN thì Ông/Bà phải chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nếu có vướng mắc, đề nghị Ông/Bà liên hệ với..... *(tên cơ quan thuế)*..... theo số điện thoại:..... địa chỉ:..... để được hướng dẫn cụ thể.

..... *(Tên cơ quan thuế)*..... thông báo để Ông/Bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO NỘP TIỀN	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**
..., ngày... tháng.... năm....	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
(Ký, ghi rõ họ tên)	

III. PHẦN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN THUẾ (Cơ quan thu tiền thực hiện):

1. Số ngày chậm nộp tiền thuế so với ngày thông báo của cơ quan Thuế:.....

2. Số tiền chậm nộp tiền thuế:..... đồng.
(Viết bằng chữ:.....)

....., ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: *Trường hợp cá nhân được miễn giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thì cơ quan thuế không phải ra thông báo này*

Mẫu số: **02/ĐK-NPT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐĂNG KÝ NGƯỜI PHỤ THUỘC GIẢM TRỪ GIA CẢNH[27]

[01] Lần đầu: ☐ **[02]** Bổ sung lần thứ: ☐

[03] Họ và tên cá nhân có thu nhập:.....

[04] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

[05] Địa chỉ cá nhân nhận thông báo mã số NPT:.....

[06] Nơi đăng ký giảm trừ người phụ thuộc (Tổ chức, cá nhân trả thu nhập/cơ quan quản lý):.....

.....

[07] Mã số thuế của tổ chức, cá nhân trả thu nhập: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

I. Người phụ thuộc đã có MST/CMND/Hộ chiếu

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Mã số thuế	Quốc tịch	Số CMND/ Hộ chiếu	Quan hệ với người nộp thuế	Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)	Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)
[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]	[16]
1								
2								
3								
...								

[27] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

II. Người phụ thuộc chưa có MST/CMND/Hộ chiếu												
STT	**Họ và tên**	**Thông tin trên giấy khai sinh**							**Quốc tịch**	**Quan hệ với người nộp thuế**	**Thời điểm bắt đầu tính giảm trừ (tháng/năm)**	**Thời điểm kết thúc tính giảm trừ (tháng/năm)**
		Ngày sinh	Số	Quyển số	Nơi đăng ký							
					Quốc gia	Tỉnh/ Thành phố	Quận/ Huyện	Phường/ Xã				
[17]	**[18]**	**[19]**	**[20]**	**[21]**	**[22]**	**[23]**	**[24]**	**[25]**	**[26]**	**[27]**	**[28]**	**[29]**
1												
2												
3												
...												
...												

(MST: Mã số thuế; CMND: Chứng minh nhân dân)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

....., ngày... tháng... năm...

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

CÁ NHÂN CÓ THU NHẬP
(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu số: **16-1/TB-MST**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỤC THUẾ..... **(CHI CỤC THUẾ).....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TB-CT	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Mã số thuế người phụ thuộc

Kính gửi: Ông/Bà.....
Mã số thuế:.....
Địa chỉ:.....

Cục Thuế thông báo mã số thuế người phụ thuộc của người nộp thuế như sau:

STT	Tên người phụ thuộc	Mã số thuế người phụ thuộc	Ngày cấp mã số thuế
1			
2			
..			

Yêu cầu người nộp thuế phải sử dụng mã số thuế người phụ thuộc theo đúng quy định kể từ ngày nhận được thông báo này./.

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **07/CTKT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG TỪ KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN[28]

Kính gửi:.....

1. **Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập:**.....
2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |
3. Địa chỉ:.....
4. Số điện thoại:..... 5. Số fax:.....
6. Số tài khoản:..... 7. Nơi mở tài khoản:.....

Theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi một số điều Luật Thuế thu nhập cá nhân và các văn bản hướng dẫn thi hành, căn cứ vào tình hình thực tế tại đơn vị, đề nghị cơ quan thuế cấp chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân cho tôi (đơn vị chúng tôi).

Tôi (đơn vị chúng tôi) chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng chứng từ khấu trừ thuế thu nhập cá nhân theo đúng các quy định hiện hành về quản lý và sử dụng ấn chỉ thuế./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

[28] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **08/MGT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ GIẢM THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN[29]

Kính gửi:.....

[01] Họ và tên:.....

[02] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[03] Địa chỉ:.....

[04] Số tài khoản ngân hàng:..... Mở tại:.....

Đề nghị được giảm thuế thu nhập cá nhân với lý do và số thuế giảm cụ thể như sau:

1. Lý do đề nghị giảm thuế:

.....

.....

2. Năm đề nghị được giảm thuế:.....

3. Căn cứ xác định số thuế được giảm:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng số tiền bị thiệt hại	**[05]**	
2	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) phải nộp trong năm đề nghị giảm thuế	**[06]**	
3	Tổng số thuế TNCN đã nộp (hoặc tạm nộp) trong năm bị thiệt hại đề nghị giảm thuế	**[07]**	
4	Tổng số thuế TNCN được hoàn thuế (nếu có)	**[08]**	

4. Các tài liệu gửi kèm:

a) Các tài liệu chứng minh số thuế đã nộp (hoặc tạm nộp) trong năm đề nghị giảm thuế:.....

.....

.....

[29] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

b. Các tài liệu khác:.....
.....
.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **19/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho cá nhân có thu nhập từ kinh doanh, đầu tư vốn, bản quyền, nhượng quyền thương mại, trúng thưởng từ nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Ngày... tháng... năm...

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
I	**Thu nhập từ kinh doanh của cá nhân không cư trú**		
1	Tổng thu nhập tính thuế	**[21]**	
2	Thuế suất	**[22]**	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân phải nộp [23] = [21]*[22]	**[23]**	
II	**Thu nhập từ đầu tư vốn**		
1	Tổng thu nhập chịu thuế	**[24]**	
2	Tổng số thuế phải nộp	**[25]**	
3	Tổng số thuế đã nộp ở nước ngoài	**[26]**	
4	Số thuế còn phải nộp [27] = [25]-[26]	**[27]**	

III	**Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại**		
1	Tổng thu nhập chịu thuế	**[28]**	
2	Tổng số thuế phải nộp	**[29]**	
3	Tổng số thuế đã nộp ở nước ngoài	**[30]**	
4	Số thuế còn phải nộp [31] = [29]-[30]	**[31]**	
IV	**Thu nhập từ trúng thưởng**		
1	Tổng thu nhập chịu thuế	**[32]**	
2	Tổng số thuế phải nộp	**[33]**	
3	Tổng số thuế đã nộp ở nước ngoài	**[34]**	
4	Số thuế còn phải nộp [35] = [33]-[34]	**[35]**	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **20/TXN-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

THƯ XÁC NHẬN THU NHẬP
Năm.....

Thay mặt tổ chức, cá nhân trả thu nhập: *(Tên tổ chức/cá nhân)*.....

Tôi xin xác nhận về việc ông/bà:

1. Họ và tên:.....

2. Chức vụ (nếu có):.....

Được bổ nhiệm tới công tác tại Việt Nam với các chi tiết sau:

3. Ngày đến Việt Nam: ngày.... tháng..... năm.....

4. Thu nhập trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm..... đến ngày 31 tháng 12 năm.....

Số tiền là..... đồng

Trong đó:

a. Tại Việt Nam:..... đồng

b. Tại nước ngoài:..... đồng

5. Các khoản bị khấu trừ ngoài Việt Nam (nếu có):.....

- Thuế thu nhập cá nhân:.....
- Bảo hiểm xã hội hoặc các loại bảo hiểm bắt buộc tương tự:.....
- Các khoản bị khấu trừ khác:.....

6. Tiền thuê nhà cho ông/bà..... tại Việt Nam là do..... *(ghi rõ tên tổ chức/cá nhân)* trả, số tiền là:..... đồng.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Gửi kèm:

Hợp đồng lao động số..... ngày..... tháng..... năm.....

..., ngày..... tháng..... năm...
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP
CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRẢ THU NHẬP
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **09/XN-NPT-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI
VỀ NGƯỜI PHẢI TRỰC TIẾP NUÔI DƯỠNG[30]

Kính gửi: Ủy ban nhân dân (UBND) xã/phường.....

Họ và tên người nộp thuế:.....
Mã số thuế (nếu có):.....
Số CMND/Hộ chiếu:..... Ngày cấp:.....
Nơi cấp:.....
Chỗ ở hiện nay:.....
Tôi kê khai người phụ thuộc sau đây tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng:

STT	Họ và tên người phụ thuộc	Ngày, tháng, năm sinh	Số CMND/ Hộ chiếu	Quan hệ với người khai	Địa chỉ cư trú của người phụ thuộc	Đang sống cùng với tôi	Không nơi nương tựa, tôi đang trực tiếp nuôi dưỡng
1							
2							
...							

Căn cứ theo quy định tại Luật thuế thu nhập cá nhân (TNCN), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật thuế TNCN thì UBND xã/phường nơi người nộp thuế cư trú có trách nhiệm xác nhận người phụ thuộc đang sống cùng người nộp thuế hoặc UBND xã/phường nơi người phụ thuộc cư trú có trách nhiệm xác nhận người phụ thuộc không sống cùng người nộp thuế và không có ai nuôi dưỡng.

[30] Mẫu này thay thế mẫu số 21a/XN-TNCN và 21b/XN-TNCN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Tôi cam đoan những nội dung kê khai trên là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký, ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ/ PHƯỜNG (nơi người nộp thuế cư trú trong trường hợp người phụ thuộc đang sống cùng người nộp thuế):
UBND xã/phường..... xác nhận người được kê khai trong biểu (nêu trên) hiện đang sống cùng ông (bà)..... ..... tại địa chỉ..... ..../.

.... ngày..... tháng..... năm.....
TM. UBND.....
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ/ PHƯỜNG (nơi người phụ thuộc cư trú trong trường hợp người phụ thuộc không nơi nương tựa, người nộp thuế đang trực tiếp dưỡng):
UBND xã/phường..... xác nhận người được kê khai trong biểu (nêu trên) không nơi nương tựa, đang sống tại xã (phường...../.

.... ngày..... tháng..... năm.....
TM. UBND.....
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: *Trường hợp người nộp thuế có nhiều người phụ thuộc cư trú tại nhiều xã/phường khác nhau thì người nộp thuế phải lập Bản kê khai để UBND xã/phường từng nơi người phụ thuộc cư trú xác nhận.*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **02/CK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

BẢN CAM KẾT[31]

(Áp dụng cho cá nhân chưa đến mức thu nhập chịu thuế TNCN)

Kính gửi: *(Tên tổ chức, cá nhân trả thu thập)*.....

1. Tên tôi là:.....

2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

3. Số CMND/hộ chiếu:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....

4. Địa chỉ cư trú:.....

5. Tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập:.....

Tôi cam kết rằng, trong năm..... tôi chỉ có thu nhập duy nhất tại..... *(tên tổ chức, cá nhân trả thu nhập)*..... nhưng ước tính tổng thu nhập không quá.....(*)..... triệu đồng *(ghi bằng chữ.....)* nên không đến mức phải nộp thuế TNCN.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

...., ngày..... tháng..... năm.....
CÁ NHÂN CAM KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: (*) Số tiền khai tại mục này được xác định bằng mức giảm trừ gia cảnh được tính trong năm:

VD:

- Trường hợp người cam kết không có người phụ thuộc: số tiền khai là 9 triệu đồng x 12 tháng = 108 triệu đồng.

- Trường hợp người cam kết có 01 người phụ thuộc thực tế phải nuôi dưỡng trong năm là 10 tháng:

Số tiền khai = 108 triệu đồng + 3,6 triệu đồng x 10 tháng = 144 triệu đồng

[31] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Mẫu số: **24/KK-TNCN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho cá nhân nhận cổ tức bằng cổ phiếu, lợi tức ghi tăng vốn khi chuyển nhượng)

[01] Kỳ tính thuế: Ngày... tháng... năm...

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

Cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần (*): ☐

A. PHẦN CÁ NHÂN TỰ KÊ KHAI

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tổ chức phát hành	Mã cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu	Mệnh giá cổ phiếu	Tổng giá trị cổ tức (hoặc lợi tức) được chia theo mệnh giá	Tổng giá trị theo giá sổ sách kế toán (hoặc theo giá thị trường)	Thuế phải nộp
[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]
I	**Cổ phiếu trả thay cổ tức:**						
1							
2							
...							

II	**Lợi tức ghi tăng vốn:**						
1							
2							
...							
Tổng cộng					**[29]**	**[30]**	**[31]**

(Trường hợp cá nhân được miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đề nghị nộp Hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo quy định)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)*

B. PHẦN TÍNH THUẾ VÀ THÔNG BÁO CỦA CƠ QUAN THUẾ

1. Tên người nộp thuế .....

2. Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

3. Cách tính thuế phải nộp

Căn cứ hướng dẫn tại tiết d, Khoản 2, Điều 11, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thực hiện Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân:

Thuế phải nộp = thu nhập tính thuế x thuế suất (5%)

Trong đó thu nhập tính thuế được tính như sau:

- Nếu giá chuyển nhượng cổ phiếu cao hơn mệnh giá thì thu nhập tính thuế là:

+ Giá trị cổ tức ghi trên sổ sách kế toán ([26]); hoặc

+ Số lượng cổ phiếu thực nhận nhân (x) mệnh giá ([24] x [25])

- Nếu giá chuyển nhượng cổ phiếu thấp hơn mệnh giá thì thu nhập tính thuế là:

+ Số lượng cổ phiếu thực nhận nhân (x) giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng ([24] x giá thị trường tại thời điểm chuyển nhượng).

4. Số thuế thu nhập cá nhân phải nộp:..... đồng

(Viết bằng chữ:.....)

5. Thông báo của cơ quan thuế:

Yêu cầu Ông (Bà) nộp số tiền thuế nêu trên tại.....

Thời hạn nộp thuế chậm nhất là ngày..... tháng..... năm.....

Quá thời hạn nêu trên mà chưa nộp đủ tiền thuế thì người nộp thuế phải chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

..., ngày... tháng... năm.....

CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH THUẾ	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số: 01/XSBHĐC
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI KHẤU TRỪ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN[32]

(Áp dụng cho công ty xổ số kiến thiết, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp bán hàng đa cấp trả tiền hoa hồng cho cá nhân trực tiếp ký hợp đồng làm đại lý bán đúng giá; doanh nghiệp bảo hiểm trả phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác)

[01] Kỳ tính thuế: tháng..... năm..... hoặc quý..... năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Điện thoại:..... **[08]** Fax:..... **[09]** Email:.....

[10] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[11] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[12] Địa chỉ:.....

[13] Quận/huyện:..... **[14]** Tỉnh/thành phố:.....

[15] Điện thoại:..... **[16]** Fax:..... **[17]** Email:.....

[18] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh trong kỳ	Số lũy kế
I	**Doanh thu từ hoạt động đại lý xổ số**			
1	Tổng doanh thu trả trong kỳ	**[19]**		

[32] Mẫu này thay thế mẫu số 01/KK-BHĐC và 01/KK-XS ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC theo quy định tại khoản 3 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

2	Tổng doanh thu thuộc diện khấu trừ thuế	**[20]**		
3	Tổng số thuế TNCN phát sinh	**[21]**		
4	Số thuế TNCN được giảm	**[22]**		
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	**[23]**		
II	**Doanh thu từ hoạt động đại lý bảo hiểm**			
1	Tổng doanh thu trả trong kỳ	**[24]**		
2	Tổng doanh thu thuộc diện khấu trừ thuế	**[25]**		
3	Tổng số thuế TNCN phát sinh	**[26]**		
4	Số thuế TNCN được giảm	**[27]**		
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	**[28]**		
III	**Thu nhập từ tiền phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm không bắt buộc khác**			
1	Tổng thu nhập trả thuộc diện khấu trừ	**[29]**		
2	Tổng số thuế TNCN phát sinh	**[30]**		
3	Số thuế TNCN được giảm	**[31]**		
4	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	**[32]**		
IV	**Doanh thu từ hoạt động bán hàng đa cấp**			
1	Tổng doanh thu trả trong kỳ	**[33]**		
2	Tổng doanh thu thuộc diện khấu trừ thuế	**[34]**		
3	Tổng số thuế TNCN phát sinh	**[35]**		
4	Số thuế TNCN được giảm	**[36]**		
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	**[37]**		
V	**Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ** **[39] = [23]+[28]+[32]+[37]**	**[38]**		

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	*...., ngày..... tháng..... năm.....*
Họ và tên:.....	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
	Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **02/KK-BHĐC**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho doanh nghiệp bảo hiểm trả thu nhập đối với thu nhập của đại lý bảo hiểm, thu nhập từ tiền phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ; công ty quản lý quỹ hưu trí tự nguyện khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với tiền tích lũy quỹ hưu trí tự nguyện; doanh nghiệp bán hàng đa cấp khấu trừ thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập của cá nhân tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam (VNĐ)

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng/ Số tiền
I	**Thu nhập của đại lý bảo hiểm**			
1	Tổng số đại lý bảo hiểm trong kỳ	**[21]**	Người	
2	Tổng thu nhập trả cho đại lý bảo hiểm trong kỳ	**[22]**	VNĐ	
3	Tổng số đại lý bảo hiểm thuộc diện khấu trừ thuế trong kỳ	**[23]**	Người	
4	Tổng thu nhập trả cho đại lý bảo hiểm thuộc diện khấu trừ	**[24]**	VNĐ	
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân (TNCN) đã khấu trừ	**[25]**	VNĐ	

II	**Thu nhập từ tiền phí tích lũy bảo hiểm nhân thọ**			
1	Tổng số cá nhân thuộc diện khấu trừ thuế trong kỳ	**[26]**	Người	
2	Tổng thu nhập trả cho cá nhân thuộc diện khấu trừ	**[27]**	VNĐ	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	**[28]**	VNĐ	
III	**Thu nhập từ tiền tích lũy quỹ hưu trí tự nguyện**			
1	Tổng số cá nhân thuộc diện khấu trừ thuế trong kỳ	**[29]**	Người	
2	Tổng thu nhập trả cho cá nhân thuộc diện khấu trừ	**[30]**	VNĐ	
3	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	**[31]**	VNĐ	
IV	**Thu nhập từ tham gia mạng lưới bán hàng đa cấp**			
1	Tổng số cá nhân trong kỳ	**[32]**	Người	
2	Tổng thu nhập trả cho cá nhân trong kỳ	**[33]**	VNĐ	
3	Tổng số cá nhân thuộc diện khấu trừ thuế trong kỳ	**[34]**	Người	
4	Tổng thu nhập trả cho cá nhân thuộc diện khấu trừ	**[35]**	VNĐ	
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	**[36]**	VNĐ	
V	**Tổng số thuế TNCN đã khấu trừ** **[37] = [25]+[28]+[31]+[36]**	**[37]**	**VNĐ**	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **01-1/BK-XSBHĐC**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

Phụ lục
BẢNG KÊ CHI TIẾT CÁ NHÂN CÓ PHÁT SINH DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẠI LÝ XỔ SỐ, ĐẠI LÝ BẢO HIỂM, BÁN HÀNG ĐA CẤP[33]
(Kèm theo Tờ khai 01/XSBHĐC của kỳ tháng/quý cuối cùng trong năm)
[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên NNT	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu	Doanh thu trong năm	Doanh thu thuộc diện khấu trừ thuế trong năm	Số thuế phát sinh trong năm	Số thuế được giảm trong năm	Số thuế đã khấu trừ trong năm
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]
I	**Đối với hoạt động đại lý xổ số**							
1								
2								
...								
Tổng cộng				[15]	[16]	[17]	[18]	[19]

[33] Mẫu này thay thế mẫu số 02-1/BK-BH, 02-2/BK-ĐC và 02-1/BK-XS ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

II	**Đối với hoạt động đại lý bảo hiểm**							
1								
2								
...								
Tổng cộng				**[20]**	**[21]**	**[22]**	**[23]**	**[24]**
III	**Đối với hoạt động bán hàng đa cấp**							
1								
2								
...								
Tổng cộng				**[25]**	**[26]**	**[27]**	**[28]**	**[29]**

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **02/KK-XS**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

(Dành cho công ty xổ số kiến thiết trả thu nhập cho đại lý xổ số)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam (VNĐ)

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng/ Số tiền
1	Tổng số đại lý xổ số trong kỳ	**[21]**	Người	
2	Tổng thu nhập trả cho đại lý xổ số trong kỳ	**[22]**	VNĐ	
3	Tổng số đại lý xổ số thuộc diện khấu trừ	**[23]**	Người	
4	Tổng thu nhập trả cho đại lý xổ số thuộc diện khấu trừ	**[24]**	VNĐ	
5	Tổng số thuế thu nhập cá nhân đã khấu trừ	**[25]**	VNĐ	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: 25/DS-TNCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH CÁ NHÂN NHẬN THU NHẬP[34]

(Dành cho tổ chức, cá nhân trả thu nhập giải thể, chấm dứt hoạt động có phát sinh trả thu nhập nhưng không phát sinh khấu trừ thuế thu nhập cá nhân)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Số CMND/ Hộ chiếu	Thu nhập chịu thuế	Các khoản giảm trừ				Thu nhập tính thuế
					Tổng số tiền giảm trừ gia cảnh	Từ thiện, nhân đạo, khuyến học	Bảo hiểm được trừ	Quỹ hưu trí tự nguyện được trừ	
[06]	[07]	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]
1									
2									
...									
Tổng				**[16]**	**[17]**	**[18]**	**[19]**	**[20]**	**[21]**

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

[34] Mẫu này bổ sung theo quy định tại Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, riêng quy định tại Chương I Thông tư này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **01/MBAI**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ MÔN BÀI

[01] Kỳ tính thuế: năm.....
[02] Lần đầu □ [03] Bổ sung lần thứ □

[04] Người nộp thuế:.....
[05] Mã số thuế:.....
[06] Địa chỉ:.....
[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/Thành phố:.....
[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....
[**12] Đại lý thuế (nếu có):**.....
[13] Mã số thuế:.....
[14] Địa chỉ:.....
[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/Thành phố:.....
[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:.....
[20] Hợp đồng đại lý thuế số:..... ngày.....
☐ [21] Khai bổ sung cho cơ sở mới thành lập trong năm (đánh dấu "X" nếu có)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Vốn đăng ký, mức thu nhập bình quân tháng	Bậc môn bài	Mức thuế môn bài
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	**Người nộp thuế môn bài**	[22]			
2	**Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc cùng địa phương** (ghi rõ tên, địa chỉ)	[23]			
3	**Tổng số thuế môn bài phải nộp**	[24]			

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **01/TK-SDDPNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Dùng cho hộ gia đình, cá nhân)

[**01**] **Kỳ tính thuế:** Năm.....

[02] lần đầu: ☐ [03] bổ sung lần thứ: ☐

I. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KHAI

1. Người nộp thuế [04] Họ và tên:

[05] Ngày tháng năm sinh: [06] Mã số thuế:

[07] Số CMND/hộ chiếu: [08] Ngày cấp: [09] Nơi cấp:

[10] Địa chỉ cư trú:

[10.1] Tổ/thôn: [10.2] Phường/xã/thị trấn:

[10.3] Quận/huyện: [10.4] Tỉnh/Thành phố:

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế: [11.1] Điện thoại:

[12] Số tài khoản - tại ngân hàng (nếu có):

2. Đại lý thuế (nếu có) [13] Tên tổ chức:

[14] Mã số thuế:

[15] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[15.1] Phường/xã/thị trấn:

[15.2] Quận/huyện: [15.3] Tỉnh/Thành phố:

[15.4] Điện thoại: Fax: Email:

[15.5] Hợp đồng đại lý thuế: Số hợp đồng: Ngày:.../.../.....

3. Thửa đất chịu thuế

[16] Địa chỉ:.... [17] Tổ/Thôn:

[18] Phường/xã/thị trấn: [19] Quận/huyện: [20] Tỉnh/Thành phố:

[21] Là thửa đất duy nhất: ☐ [22] Đăng ký kê khai tổng hợp tại (quận/huyện):

[23] Đã có giấy chứng nhận: ☐ Số giấy chứng nhận: [23.1] Ngày cấp:

[23.2] Thửa đất số: [23.3] Tờ bản đồ số:

[23.4] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN: [23.5] Mục đích sử dụng đất phi nông nghiệp (đất ở, đất sản xuất kinh doanh...):

[24] Tổng diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:

[24.1] Diện tích đất sử dụng đúng mục đích

[24.2] Diện tích đất sử dụng sai mục đích/chưa sử dụng theo đúng quy định:

[24.3] Hạn mức (nếu có):

[24.4] Diện tích đất lấn, chiếm:

[25] Chưa có giấy chứng nhận: ☐ [25.1] Diện tích:

[25.2] Mục đích đang sử dụng:

4. [26] Đối với đất ở nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[26.1] Loại nhà: [26.2] Diện tích: [26.3] Hệ số phân bổ:

5. [27] Trường hợp miễn, giảm thuế: (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách,...).....

6. Đăng ký nộp thuế:

☐ Nộp thuế một lần trong năm

☐ Nộp thuế theo 2 lần trong năm

☐ Nộp cho cả thời kỳ ổn định: năm:....

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

II. PHẦN XÁC ĐỊNH CỦA CƠ QUAN CHỨC NĂNG

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

1. Người nộp thuế [28] Họ và tên:

[29] Ngày tháng năm sinh: [30] Mã số thuế:

[31] Số CMND/hộ chiếu: [32] Ngày cấp: [33] Nơi cấp:

2. Thửa đất chịu thuế

[34] Địa chỉ: [35] Tổ/Thôn:

[36] Phường/xã/thị trấn: [37] Quận/huyện: [38] Tỉnh/Thành phố:

[39] Đã có giấy chứng nhận ☐ Số GCN: [39.1] Ngày cấp:

[39.2] Thửa đất số: [39.3] Tờ bản đồ số:

[39.4] Diện tích đất phi nông nghiệp ghi trên GCN: [39.5] Diện tích thực tế sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp:

[39.6] Mục đích sử dụng: [39.7] Hạn mức: *(Hạn mức tại thời điểm cấp GCN)*

[40] Chưa có giấy chứng nhận: ☐ [40.1] Diện tích:

[40.2] Mục đích đang sử dụng:

3. Trường hợp miễn, giảm thuế: [41] (ghi rõ trường hợp thuộc diện được miễn, giảm thuế như: thương binh, gia đình thương binh liệt sỹ, đối tượng chính sách...)

4. Căn cứ tính thuế

[42] Diện tích đất thực tế sử dụng: [43] Hạn mức tính thuế:

[44] Thông tin xác định giá đất: [44.1] Loại đất:

[44.2] Tên đường/vùng:

[44.3] Đoạn đường/khu vực:

[44.4] Loại đường: [44.5] Vị trí/hạng:

[44.6] Giá đất: [44.7] Hệ số (đường/hẻm):

[44.8] Giá 1 m^2 đất *(Giá đất theo mục đích sử dụng)*:

5. Diện tích đất tính thuế

5.1. Đất ở *(Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)*

Tính trên diện tích có quyền sử dụng:

[45] Diện tích trong hạn mức *(thuế suất: 0,03%)*	[46] Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức *(thuế suất: 0,07%)*	[47] Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức *(thuế suất 0,15%)*
...	...	...

5.2. Đất ở nhà chung cư (tính trên diện tích sàn thực tế sử dụng):

[48] Diện tích: [49] Hệ số phân bổ:

5.3. [50] Diện tích đất sản xuất kinh doanh - Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích:

5.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[51] Diện tích:..... [52] Mục đích thực tế đang sử dụng:.....

[53] Hệ số phân bổ *(đối với nhà chung cư)*:

5.5. Đất lấn chiếm

[54] Diện tích:..... [55] Mục đích thực tế đang sử dụng:.....

[56] Hệ số phân bổ *(đối với nhà chung cư)*:

Ngày.... tháng..... năm.....	*Ngày.... tháng..... năm.....*
Cán bộ địa chính xã/phường	**CHỦ TỊCH UBND XÃ/PHƯỜNG**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số: **02/TK-SDDPNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP
(Dùng cho tổ chức)

[**01**] **Kỳ tính thuế:** Năm...

[02] lần đầu: ☐ [03] bổ sung lần thứ:.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

1. Người nộp thuế

[04] Tên tổ chức: [05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[06.1] Tổ/thôn: [06.2] Phường/xã/thị trấn:

[06.3] Quận/huyện: [06.4] Tỉnh/Thành phố:

[07] Điện thoại: [08] Số tài khoản - tại ngân hàng (nếu có):

[09] Tên tổ chức:

2. Đại lý thuế (nếu có)

[10] Mã số thuế:

[11] Địa chỉ nhận thông báo thuế:

[11.1] Phường/xã/thị trấn:

[11.2] Quận/huyện: [11.3] Tỉnh/Thành phố:

[11.4] Điện thoại: [11.5] Fax: [11.6] Email:.....

[11.7] Hợp đồng đại lý thuế: Số: Ngày.../.../.....

3. Thửa đất chịu thuế

[12] Địa chỉ: [13] Tổ/Thôn:

[14] Phường/xã/thị trấn: [15] Quận/huyện: [16] Tỉnh/Thành phố:

[17] Đã có giấy chứng nhận (GCN) số: [17.1] Ngày cấp:

[17.2] Thửa đất số: [17.3] Tờ bản đồ số: [17.4] Diện tích:

[17.5] Mục đích sử dụng:

4. [18] Đối tượng miễn, giảm thuế:

5. Căn cứ tính thuế:

[19] Diện tích đất thực tế sử dụng:

[20] Thông tin xác định giá đất:

[20.1] Loại đất:

[20.2] Tên đường/vùng:

[20.3] Đoạn đường/khu vực:

[20.4] Loại đường: [20.5] Vị trí/hạng:

[20.6] Giá đất: [20.7] Hệ số (đường/hẻm):

[20.8] Giá 1 m^2 đất *(Giá đất theo mục đích sử dụng)*:

6. Tính thuế

6.1. Đất ở *(Tính cho đất ở, bao gồm cả trường hợp sử dụng đất ở để kinh doanh)*
Tính trên diện tích có quyền sử dụng

[21] Diện tích:	[22] Số thuế phải nộp: *[22]=[21]*[20.8]*0,03%*

6.2. Đất ở nhà nhiều tầng, có nhiều hộ ở - Tính trên diện tích sàn có quyền sử dụng

[23] Diện tích:	[24] Hệ số phân bổ:	[25] Số thuế phải nộp: *[25]=[23]*[24]*[20.8]*0,03%*

6.3. Đất sản xuất kinh doanh - Tính trên diện tích sử dụng đúng mục đích

[26] Diện tích:	[27] Số thuế phải nộp *([27]=[26]*[20.8]*0,03%):*

6.4. Đất sử dụng không đúng mục đích hoặc chưa sử dụng theo đúng quy định:

[28] Mục đích đang sử dụng:	[29] Hệ số phân bổ *(đối với nhà chung cư)*: *(Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1)*
[30] Diện tích:	[31] Giá 1m^2 đất:

[32] Số thuế phải nộp *([32]=[30]*[31]*[29]*0,15%)*:

6.5. Đất lấn, chiếm

[33] Mục đích đang sử dụng:	[34] Hệ số phân bổ *(đối với nhà chung cư)*: *(Khi không điền hoặc để bằng 0, hệ số sẽ được tính bằng 1)*
[35] Diện tích:	[36] Giá 1m^2 đất:

[37] Số thuế phải nộp *([37]=[35]*[36]*[34]*0,2%)*:

7. [38] Tổng số thuế phải nộp trước miễn giảm *([38]=[22]+[25]+[27]+[32]+[37])*:

8. [39] Số thuế được miễn, giảm:

9. [40] Tổng số thuế phải nộp: *[40]=[38] - [39]*

10. [41] Nộp một lần cho 5 năm (trong chu kỳ ổn định 5 năm) *([41]=[40]*5)*:

11. Thời hạn nộp thuế:

☐ Nộp thuế một lần trong năm.
☐ Nộp thuế theo 2 lần trong năm.
☐ Nộp thuế cho cả thời kỳ ổn định: Năm:

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Ký tên, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))*

Mẫu số: 03/TKTH-SDDPNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TỔNG HỢP THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP

(Dùng cho hộ gia đình, cá nhân kê khai tổng hợp đất ở)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ☐

1. [04] Họ và tên người nộp thuế: [05] Mã số thuế

[06] Địa chỉ: [06.1] Phường/xã/thị trấn: [06.2] Quận/huyện: [06.3] Tỉnh/Thành phố:

[07] Điện thoại: Fax: Email:

[08] Số tài khoản ngân hàng (nếu có): Mở tại:

2. Đại lý thuế (nếu có): [09] Tên tổ chức: [10] Mã số thuế:

[11] Địa chỉ: [11.1] Phường/xã/thị trấn [11.2] Quận/huyện: [11.3] Tỉnh/Thành phố

[12] Điện thoại: [12.1] Fax: [12.2] Email:

3. Kê khai tổng hợp tại: [13] Quận/Huyện: [14] Hạn mức đất lựa chọn:..... m^2

4. Tổng hợp các thửa đất trong Tỉnh/Thành phố *Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

Thửa đất chịu thuế			Diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận	Giá 1 m^2 đất	Diện tích trong hạn mức (m^2) *(thuế suất 0,03%)*	Diện tích vượt không quá 3 lần hạn mức (m^2) *(thuế suất 0,07%)*	Diện tích vượt trên 3 lần hạn mức (m^2) *(thuế suất 0,15%)*	Số thuế sử dụng đất phi nông nghiệp phải nộp	Số thuế đã kê khai (chưa trừ miễn, giảm thuế)
Địa chỉ thửa đất ở	Phường/ Xã	Quận/ Huyện							
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
C									
B									
A									
TỔNG CỘNG								**Tổng (9)**	**Tổng (10)**

*(*Kê khai thửa đất thuộc địa bàn lựa chọn hạn mức trước. Thứ tự kê khai các thửa đất ảnh hưởng đến giá trị diện tích vượt hạn mức và số thuế phải nộp.)*

[15] Số thuế chênh lệch kê khai phải nộp {Tổng cột (9) - Tổng cột (10)}:..... đồng

Đề nghị hoàn trả ☐ Trừ vào số phải nộp năm sau ☐

..., ngày.... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:

- Cột(4): Chỉ kê khai tổng hợp với đất ở, có GCN. Lấy từ mục 5.1 trên Thông báo nộp thuế

- Cột (9) = (6) x (5) x 0,03% + (7) x (5) x 0,07% + (8) x (5) x 0,15%

- Cột (10): Số thuế tính cho đất ở trên GCN. Lấy từ mục 7.1 trên Thông báo nộp thuế.

Mẫu số: **01/TB-SDDPNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỤC THUẾ.....
CHI CỤC THUẾ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB...

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO NỘP THUẾ

Lần..... Năm.....

Căn cứ vào thông tin kê khai của người nộp thuế và thông tin xác định của các cơ quan chức năng, cơ quan Thuế thông báo nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp và thông báo cấp mới mã số thuế cho người nộp thuế như sau:

1. Người nộp thuế:
- Họ và tên:.....
- Mã số thuế (nếu có):..... ngày cấp:...../...../..... *đối với trường hợp cấp MST mới*)
- Địa chỉ nhận thông báo:.....
2. Tên Đại lý thuế (nếu có):.....
- Mã số thuế:.....
- Địa chỉ nhận thông báo:.....
3. Địa chỉ thửa đất:.....
4. Vị trí thửa đất chịu thuế:
   4.1. Loại đất: *Đất ở đô thị; Đất ở nông thôn; Đất sản xuất, kinh doanh:*.....
   4.2. Tên đường/vùng:.....
   4.3. Đoạn đường/khu vực:.....
   4.4. Loại đường:..... 4.5. Vị trí/hạng:.....
   4.6. Hệ số (đường/hẻm):..... 4.7. Giá 1 m^2 đất:.....
5. Diện tích chịu thuế:..... 5.1. Trong đó diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận:....
6. Hạn mức:.....
7. Tổng số thuế trước khi miễn, giảm:....., Trong đó:
7.1. Số thuế tính cho phần diện tích đất ở trên Giấy chứng nhận:.....
7.2. Số thuế tính cho phần diện tích lấn chiếm:.....
7.3. Số thuế sử dụng không đúng mục đích:.....
8. Thông tin chi tiết các khoản thuế tính đến ngày thông báo (*với trường hợp thông báo từ lần 2)*

STT	Nội dung	Tiểu mục	Thuế phát sinh trong kỳ	Thuế miễn giảm	Số thuế thừa thiếu của kỳ trước	Số thuế đã nộp	Số thuế còn phải nộp
	Ví dụ:						
	Thuế đất ở tại đô thị	1602					
	.....						
	Cộng						

Số tiền thuế còn phải nộp (viết bằng chữ):..... đồng.
9. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là ngày...../...../.....
10. Địa điểm nộp thuế:.....
Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với... (*tên cơ quan thuế)*... theo số điện thoại:.....
địa chỉ:.....
... *(tên cơ quan thuế)*... thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
Ngày..... tháng..... năm.....
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số: **01/SDNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

(Dùng cho tổ chức có đất chịu thuế)

[**01**] **Kỳ tính thuế:** Năm.....

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ ☐

[04] Tên người nộp thuế

[05] Mã số thuế

[06] Địa chỉ: Phường/xã:

Quận/huyện: Tỉnh/Thành phố

[07] Điện thoại: [08] Fax: [09] Email:

[10] Đại lý thuế (nếu có):.....

[11] Mã số thuế:.....

[12] Địa chỉ:.....

[13] Quận/huyện:..... [14] Tỉnh/Thành phố:.....

[15] Điện thoại:..... [16] Fax:..... [17] Email:.....

[18] Hợp đồng đại lý thuế:.....

STT	Địa chỉ thửa đất	Tờ bản đồ số	Diện tích	Loại đất	Hạng đất	Định suất thuế	Thuế tính bằng thóc (kg)
	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]=[21]x [24]
	Tổng cộng						

[26] Thuế được miễn, giảm:..... kg.

[27] Thuế phải nộp tính bằng thóc ([27] = [25] – [26]):..... kg.

[28] Giá thóc tính thuế (đồng/kg):.....

[29] Thuế phải nộp tính bằng tiền ([29] = [27] x [28]):..... đồng.

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

Ghi chú:

1. Nếu là đất trồng cây ăn quả trên đất trồng cây hàng năm thuộc đất hạng 1, hạng 2, hoặc hạng 3 thì phải nhân thêm hệ số 1,3.

2. Chỉ tiêu thuế được miễn, giảm: nếu được miễn ghi 100%, nếu được giảm thì ghi tương ứng số % được giảm; đồng thời người nộp thuế phải kèm theo tài liệu chứng minh được miễn, giảm.

UBND.....
.....

Mẫu số: **02/SDNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

(Dùng cho hộ gia đình, cá nhân có đất chịu thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu □ [03] Bổ sung lần thứ □

[04] Tên người nộp thuế

[05] Địa chỉ: [05.1] Phường/xã:

[05.2] Quận/huyện: [05.3] Tỉnh/Thành phố

[06] Sổ địa chính: [07] Tờ bản đồ số:

STT	Loại ruộng đất	Phần hộ gia đình, cá nhân tự khai				Phần do UBND xã, đội thuế xác định		
		Xứ đồng	Ký hiệu thửa	Diện tích (m^2)	Hạng đất	Diện tích (m^2)	Hạng đất	Thuế ghi thu (kg)
	[08]	[09]	[10]	[11]	[12]	[13]	[14]	[15]
I	**Cây hàng năm**							
1	Đất trồng lúa							
2	Đất trồng cây hàng năm khác							
3	Mặt nước nuôi trồng thủy sản							
...	.....							
	Cộng cây hàng năm							
II	**Cây lâu năm**							
	Cộng cây lâu năm							
	Tổng cộng							

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

..., ngày..... tháng.... năm....		*...., ngày.... tháng... năm.....*
Chủ hộ	**Cán bộ thuế**	**UBND xã, phường, thị trấn**
(Ký ghi rõ họ tên)	*(Ký ghi rõ họ tên)*	*(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Ghi chú: *- Một xứ đồng có nhiều thửa đất thì mỗi thửa đất kê khai vào một dòng*
- UBND: Ủy ban nhân dân

Mẫu số: **03/SDNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP
(Dùng cho đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần)
[**01**] **Kỳ tính thuế:** Năm.....
[02] Lần đầu □ [03] Bổ sung lần thứ □

[04] Tên người nộp thuế
[05] Mã số thuế
[06] Địa chỉ: [06.1] Phường/xã:
[06.2] Quận/huyện: [06.3] Tỉnh/Thành phố
[07] Điện thoại: [08] Fax: [09] Email:
[10] Đại lý thuế (nếu có):
[11] Mã số thuế:
[12] Địa chỉ:
[13] Quận/huyện: [14] Tỉnh/Thành phố:
[15] Điện thoại: [16] Fax: [17] Email:
[18] Hợp đồng đại lý thuế số ngày

[19] Địa chỉ lô đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần:
[20] Số thửa: ; Tờ bản đồ số:
[21] Diện tích lô đất trồng cây lâu năm thu hoạch một lần (ha):
[22] Loại cây lâu năm thu hoạch một lần:..... *(ghi tên loại cây)*.....
[23] Diện tích đất khai thác cây lâu năm thu hoạch một lần (ha):
[24] Sản lượng khai thác cây lâu năm thu hoạch một lần (tấn/ha hoặc m^3/ha):
[25] Giá bán một đơn vị sản phẩm tại nơi khai thác (đồng/tấn hoặc đồng/m^3):
[26] Giá trị sản lượng khai thác [26] = [24] x [25] x [23]
[27] Thuế sử dụng đất nông nghiệp được miễn, giảm (nếu có):.....đồng
[28] Thuế sử dụng đất nông nghiệp phải nộp [28] = ([26] x 4%) - [27]
Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu kê khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: **04/SDNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
NỘP THUẾ SỬ DỤNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP
Lần..... năm.....

[01] Tên người nộp thuế:
[02] Mã số thuế (nếu có):
[.3] Địa chỉ liên hệ:
[04] Tổng số thuế tính bằng thóc phải nộp trong năm (kg):
[05] Giá thóc tính thuế (đồng/kg):
[06] Số thuế tính bằng tiền phải nộp trong năm (đồng):
[07] Số thuế SDĐNN nộp thiếu hoặc nộp thừa của năm trước:
[07.1]. Số thuế SDĐNN nộp thiếu của năm trước:
[07.2]. Số thuế SDĐNN nộp thừa của năm trước:
[08] Số tiền phải nộp kỳ 1. ([08] = [06] x 50% + [07.1] - [07.2])
Thời hạn nộp tiền kỳ 1: chậm nhất là ngày 31 tháng 5 năm.....
[09] Số tiền phải nộp kỳ 2: ([09] = [06] x 50% + số tiền thuế còn nợ các kỳ trước):
Thời hạn nộp tiền kỳ 2: chậm nhất là ngày 31 tháng 10 năm.....
[10] Nơi nộp tiền thuế:

Quá thời hạn trên mà người nộp thuế chưa nộp đủ số tiền thuế theo thông báo này thì phải chịu tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với..... *(tên cơ quan thuế)*... theo số điện thoại:..... địa chỉ:.....

... *(Tên cơ quan thuế)*... thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO NỘP THUẾ
Ngày..... tháng..... năm.....
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:
- Chỉ tiêu tổng số thuế tính bằng thóc phải nộp trong năm (kg) được tổng hợp từ số thuế phải nộp của tất cả các lô đất chịu thuế SD ĐNN trong địa phương cấp xã do chi cục thuế quản lý, bao gồm cả số thuế bổ sung tính trên diện tích vượt hạn mức.
- Trường hợp người nộp thuế đề nghị được xem chi tiết cách tính ra số thuế phải nộp thì cơ quan thuế in biểu tổng hợp số thuế phải nộp và thông báo cho người nộp thuế biết.
- SDĐNN: sử dụng đất nông nghiệp.

Mẫu số: **01/TSDĐ**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(được bãi bỏ)[35]

[35] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Thông tư số 76/2014/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

Mẫu số: **02/TSDĐ**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO

Số:...../TB-....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO NỘP TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT
(được bãi bỏ)[36]

[36] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 19 Thông tư số 76/2014/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

Mẫu số: **01/TMĐN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI TIỀN THUÊ ĐẤT, THUÊ MẶT NƯỚC
(được bãi bỏ)[37]

[37] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư số 77/2014/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

Mẫu số: **02/TMĐN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../TB	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO NỘP TIỀN THUÊ ĐẤT
(được bãi bỏ)[38]

[38] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư số 77/2014/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **01/BVMT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

[01] Kỳ tính thuế: Tháng.... năm.....

[02] Lần đầu □ [03] Bổ sung lần thứ □

[04] Người nộp thuế:.....
[05] Mã số thuế:.....
[06] Địa chỉ:.....
[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/Thành phố:.....
[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....
[12] Số tài khoản:..... [13] tại Ngân hàng/KBNN:.....
[14] Nghề nghiệp/ lĩnh vực hoạt động, kinh doanh chính:.....
[15] Văn bản ủy quyền:.....
[16] Đại lý thuế (nếu có):.....
[17] Mã số thuế:.....
[18] Địa chỉ:.....
[19] Quận/huyện:..... [20] Tỉnh/Thành phố:.....
[21] Điện thoại:..... [22] Fax:..... [23] Email:.....
[24] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại khoáng sản	Số lượng khoáng sản		Mức phí	Số phí phải nộp trong kỳ
		Đơn vị tính	Số lượng		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	**Khoáng sản do cơ sở tự khai thác:**				
1	.....				
2	.....				
II	**Khoáng sản do cơ sở thu mua nộp thay người khai thác**				
1	.....				
2	.....				
				Tổng cộng:	

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: **02/BVMT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

[01] Kỳ tính thuế: Từ..... đến.....
[02] Lần đầu □ [03] Bổ sung lần thứ □

[04] Tên người nộp thuế:.....
[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |
[06] Địa chỉ:.....
[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/Thành phố:.....
[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....
[12] Đại lý thuế (nếu có):.....
[13] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |
[14] Địa chỉ:.....
[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/Thành phố:.....
[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:.....
[120] Hợp đồng đại lý thuế số:..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại khoáng sản	Sản lượng khoáng sản tính phí trong kỳ		Mức phí	Số phí phải nộp trong kỳ	Số phí đã kê khai trong kỳ	Chênh lệch giữa số quyết toán và kê khai
		Đơn vị tính	Sản lượng				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8) = (6) - (7)
I	**Khoáng sản do cơ sở tự khai thác:**						
1	.....						
....	.....						
II	**Khoáng sản do cơ sở thu mua nộp thay người khai thác**						
1	....						
....	....						
				Tổng cộng:			

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

....., ngày..... tháng..... năm....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **01/PHLP**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI PHÍ, LỆ PHÍ

(Dành cho tổ chức, cá nhân thu phí, lệ phí thuộc Ngân sách nhà nước)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng.... năm.....

[02] Lần đầu □ [03] Bổ sung lần thứ □

[04] Người nộp thuế:.....
[05] Mã số thuế:.....
[06] Địa chỉ:.....
[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/Thành phố:.....
[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....
[12] Đại lý thuế (nếu có):.....
[13] Mã số thuế:.....
[14] Địa chỉ:.....
[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/Thành phố:.....
[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:.....
[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại phí, lệ phí	Tiểu mục	Số tiền phí, lệ phí thu được	Tỷ lệ trích sử dụng theo chế độ (%)	Số tiền phí, lệ phí trích sử dụng theo chế độ	Số tiền phí, lệ phí phải nộp NSNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4) - (6)
	...					
Tổng cộng		x		x		

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: **02/PHLP**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN PHÍ, LỆ PHÍ

(Dùng cho tổ chức, cá nhân thu phí, lệ phí thuộc Ngân sách nhà nước)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu □ [03] Bổ sung lần thứ □

[04] Người nộp thuế:.....
[05] Mã số thuế:.....
[06] Địa chỉ:.....
[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/Thành phố:.....
[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....
[12] Đại lý thuế (nếu có):.....
[13] Mã số thuế:.....
[14] Địa chỉ:.....
[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/Thành phố:.....
[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:.....
[20] Hợp đồng đại lý thuế số:..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại phí, lệ phí	Tiểu mục thu	Số tiền phí, lệ phí thu được	Tỷ lệ trích sử dụng theo chế độ (%)	Số tiền phí, lệ phí trích sử dụng theo chế độ	Số tiền phí, lệ phí phải nộp Ngân sách Nhà nước	Số tiền phí, lệ phí đã kê khai trong kỳ	Chênh lệch giữa số quyết toán và kê khai
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4) - (6)	(8)	(9) = (7) - (8)
	...							
Tổng cộng								

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: **01/LPTB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT

[01] Kỳ tính thuế: Theo từng lần phát sinh □

[02] Lần đầu □ [03] Bổ sung lần thứ □

[04] Tên người nộp thuế:.....
[05] Mã số thuế:.....
[06] Địa chỉ:.....
[07] Quận/huyện:..... [08] Tỉnh/Thành phố:.....
[09] Điện thoại:..... [10] Fax:..... [11] Email:.....
[12] Đại lý thuế (nếu có):.....
[13] Mã số thuế:.....
[14] Địa chỉ:.....
[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/Thành phố:.....
[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:.....
[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

ĐẶC ĐIỂM NHÀ ĐẤT:

1. Đất:

1.1 Địa chỉ thửa đất:

1.2. Vị trí thửa đất (mặt tiền đường phố hay ngõ, hẻm):

1.3. Mục đích sử dụng đất:

1.4. Diện tích (m^2):

1.5. Nguồn gốc nhà đất: (đất được Nhà nước giao, cho thuê; đất nhận chuyển nhượng; nhận thừa kế, hoặc nhận tặng, cho):

a) Tên tổ chức, cá nhân chuyển giao QSDĐ:

Địa chỉ người giao QSDĐ:

b) Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao QSDĐ ngày..... tháng..... năm.....

1.6. Giá trị đất thực tế chuyển giao (nếu có):

2. Nhà:

2.1. Cấp nhà: Loại nhà:

2.2. Diện tích nhà (m^2 sàn xây dựng):

2.3. Nguồn gốc nhà:

a) Tự xây dựng:

- Năm hoàn công (hoặc năm bắt đầu sử dụng nhà):

b) Mua, thừa kế, cho, tặng:

- Thời điểm làm giấy tờ chuyển giao nhà: Ngày..... tháng..... năm.....

2.4. Giá trị nhà (đồng):

3. Giá trị nhà, đất thực tế nhận chuyển nhượng, nhận thừa kế, nhận tặng cho (đồng):

4. Tài sản thuộc diện không phải nộp hoặc được miễn lệ phí trước bạ (lý do):

5. Giấy tờ có liên quan, gồm:

-

-

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:	*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **02/LPTB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/12013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ

(Áp dụng đối với tài sản là máy bay, ô tô, xe máy, tàu, thuyền, súng săn, súng thể thao)

[01] Kỳ tính thuế: □ Theo từng lần phát sinh

[02] Lần đầu □ [03] Bổ sung lần thứ □

A. PHẦN NGƯỜI NỘP THUẾ TỰ KÊ KHAI:

[**04] Tên người nộp thuế** (*Chủ sở hữu, sử dụng tài sản):*

[05] Mã số thuế (nếu có):

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] Email:

[12] Đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế:.....

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... [16] Tỉnh/Thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... [18] Fax:..... [19] Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế, số:..... ngày.....

I. ĐẶC ĐIỂM TÀI SẢN:

1. Loại tài sản (ô tô, xe máy, tàu thuyền...):

2. Tên hiệu tài sản:

3. Nước sản xuất:

4. Năm sản xuất:

5. Dung tích xi lanh:

6. Trọng tải (hoặc công suất):

7. Số chỗ ngồi, kể cả chỗ người lái (đối với phương tiện chở khách):

8. Chất lượng tài sản:

9. Số máy:

10. Số khung:

11. Biển kiểm soát:

12. Số đăng ký:

13. Trị giá tài sản (đồng):

(Viết bằng chữ:)

II. NGUỒN GỐC TÀI SẢN:

1. Tổ chức, cá nhân giao tài sản:

2. Địa chỉ:

3. Thời điểm làm giấy tờ chuyển dịch tài sản:

III. TÀI SẢN THUỘC DIỆN KHÔNG PHẢI NỘP HOẶC MIỄN LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (lý do):

IV. GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN, GỒM:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

B. THÔNG BÁO NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (dành cho cơ quan thuế):

1. Trị giá tài sản tính lệ phí trước bạ (đồng):

(Viết bằng chữ:.....)

2. Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp (đồng): {Bằng trị giá tài sản tính lệ phí trước bạ nhân (x) mức thu lệ phí trước bạ (%). Mức thu lệ phí trước bạ được quy định chi tiết cho từng loại tài sản (máy bay, tàu thuyền, ô tô, xe máy các loại)}.....

(Viết bằng chữ:.....)

Nộp theo chương..... tiểu mục.....

3. Địa điểm nộp:

4. Thời hạn nộp tiền chậm nhất là ngày... tháng... năm...

Quá ngày phải nộp theo quy định mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

5. Không thu lệ phí trước bạ (nếu có): Chủ tài sản thuộc đối tượng không phải nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm..... khoản..... Điều 3 Nghị định số... ngày.... của Chính phủ:

6. Miễn nộp lệ phí trước bạ (nếu có): Chủ tài sản thuộc đối tượng được miễn nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại điểm..... khoản..... Điều..... Nghị định số... ngày... của Chính phủ:

....., ngày..... tháng..... năm....

CÁN BỘ KIỂM TRA TÍNH LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO
(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO
NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ
....., ngày..... tháng..... năm.....
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

C. PHẦN TÍNH TIỀN CHẬM NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (dành cho cơ quan thu tiền):

1. Số ngày chậm nộp lệ phí trước bạ:

2. Số tiền phạt chậm nộp lệ phí trước bạ (đồng):

(Viết bằng chữ:)

..., ngày..... tháng..... năm....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Xem tiếp Công báo số 405 + 406)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng